VẤN ĐỀ DUNG HỢP TAM GIÁO TRONG *NHẬT BẢN LINH DỊ KÝ (NIHONREIKI)* VÀ *LĨNH NAM CHÍCH QUÁI*

CHINESE SCHOLARS' RESEARCH ON FEMALE CHARACTERS IN SOUSHEN JI 搜神記 (IN SEARCH OF THE SUPERNATURAL)

Phạm Kim Ngân[*]✉ **Đặng Ngọc Ngận**[**]

Nhận bài: 15/7/2026; Nhận kết quả bình duyệt: 04/8/2026; Chấp nhận đăng: 15/8/2026
©2026 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Dung hợp tam giáo được hiểu là sự liên kết, phối hợp của ba hệ thống tư tưởng khác nhau nhằm đáp ứng những nhu cầu chính trị và văn hóa trong một hoàn cảnh xã hội cụ thể. Đây là hiện tượng phổ biến, hiện tồn, và bao trùm hệ tư tưởng thời kỳ cổ - trung đại ở các quốc gia đồng văn tại khu vực Đông Á. Ở Việt Nam, dung hợp tam giáo đề cập đến sự hòa đồng giữa ba hệ tư tưởng Nho, Phật và Đạo; trong khi ở Nhật Bản, dung hợp tam giáo thường chỉ sự hòa hợp giữa Phật giáo, Nho giáo và Thần đạo. Hiện tượng này được thể hiện rõ nét trong các tác phẩm như Nhật Bản linh dị ký *(Nihonreiki) và* Lĩnh Nam chích quái*. Nghiên cứu vấn đề tam giáo không chỉ khẳng định khả năng "cầu đồng tồn dị" - tức sự hòa đồng, hỗ trợ và bổ sung lẫn nhau giữa các hệ thống tôn giáo - mà còn góp phần làm rõ thế giới quan và nhân sinh quan phổ quát của con người trong văn học thuyết thoại Đông Á.*

Từ khóa: *Nhật Bản linh dị ký, Lĩnh Nam chích quái, dung hợp tam giáo, thuyết thoại, văn học Đông Á*

Abstract

The concept of "Three Teachings integration" refers to the linkage and coordination of three different ideological systems to meet political and cultural needs within a specific social context. This phenomenon is common, persistent, and encompasses the ideological systems of the classical and medieval periods in East Asian Sinosphere countries. In Vietnam, the integration of the Three Teachings refers to the harmonization of Confucianism, Buddhism, and Taoism, while in Japan, it usually denotes the combination of Buddhism, Confucianism, and Shinto. This phenomenon is clearly reflected in literary works such as Nihonreiki and Lĩnh Nam chích quái. Studying the Three Teachings not only affirms the possibility of "unity in diversity" - the harmonious, supportive, and complementary interaction among religious systems - but also contributes to a clearer understanding of the universal worldview and human philosophy in East Asian narrative literature.

Keywords: *Nihonreiki, Linh Nam chich quai, syncretism of the Three religions, setsuwa literature, East Asian literature*

[*] Trường Đại học Cửu Long, ✉ *phamkimngan@mku.edu.vn*
[**] Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh,

1. MỞ ĐẦU

Thuyết thoại Đông Á là kho tàng văn học quý giá, phản ánh đời sống tinh thần và tín ngưỡng của các dân tộc trong khu vực thời trung đại. Các tác phẩm thuyết thoại thể hiện rõ nét hiện tượng dung hợp tam giáo - sự tồn tại, tương tác và thâm nhập lẫn nhau giữa ba hệ thống tôn giáo Nho - Phật - Đạo (hay Thần đạo). ***Nhật Bản linh dị ký***, hay còn được gọi là *Linh dị ký* (ghi chép những chuyện linh diệu, kỳ lạ), do Keikai - một vị sư ở chùa Yakushi thuộc kinh đô Nara biên soạn vào năm Enryaku thứ 6 (787) và hoàn thành vào năm Kōnin thứ 13 (822). Đây là tập truyện cổ đầu tiên tập hợp những câu chuyện về Phật giáo lưu truyền trong dân gian, gồm ba quyển viết bằng chữ Hán: Thượng, Trung và Hạ, với tổng cộng 116 truyện.

Được biên soạn trên nền lịch sử kéo dài từ thời Thiên hoàng Yuryaku (Hùng Lược, trị vì năm 478) đến hết thời Thiên hoàng Kanmu (Hằng Vũ, 781 - 806), trong bối cảnh Phật giáo du nhập và phát triển rực rỡ, *Nhật Bản linh dị ký* thể hiện rõ cảm quan Phật giáo qua những câu chuyện về các vị thiền sư, về nhân duyên tiền định, nghiệp báo luân hồi..., cùng sự xuất hiện của các vị Phật và Bồ Tát như Quan Âm, Diệu Kiến, Di Lặc... Không chỉ chịu ảnh hưởng của Phật giáo, tập truyện còn cho thấy sự hiện diện của Nho giáo và Thần đạo. Các hệ tư tưởng này không xung đột hay đối lập mà kết hợp hài hòa, dung chứa lẫn nhau trong đời sống tinh thần, tín ngưỡng và quan niệm đạo đức của người Nhật Bản thời trung đại. Các vị thần được miêu tả như những thực thể vẫn chịu sự chi phối của nghiệp chướng, luân hồi, và thường phải nhờ đến các vị thiền sư trên con đường tu tập giải thoát. Các nguyên tắc đạo đức Nho giáo như tam cương, ngũ thường được tích hợp vào tư tưởng và nếp sống của con người một cách tự nhiên. Đặc biệt, quan niệm đề cao chữ hiếu, coi hành động hiếu thảo là công đức lớn, là "nhân lành" dẫn đến quả báo tốt đẹp cho thấy sự tương đồng giữa luật nhân quả của Phật giáo và tư tưởng đạo đức truyền thống bản địa.

Nhật Bản linh dị ký được Nguyễn Thị Oanh dịch thuật và giới thiệu năm 1999. Công trình này có ý nghĩa lớn trong nghiên cứu văn hóa và văn học Đông Á, đặc biệt ở phương diện lịch sử văn học và văn học so sánh. Bên cạnh đó, Nguyễn Thị Oanh còn có hai bài viết: "*Nhật Bản linh dị ký* - tác phẩm mở đầu dòng văn học truyền kỳ xứ sở Mặt trời mọc", đăng trên ***Tạp chí Hán Nôm*** và "Bước đầu giới thiệu *Nhật Bản linh dị ký* với yếu tố dân gian của nó", đăng trên ***Tạp chí Văn học dân gian*** (1998). Đoàn Lê Giang, trong bài viết "Thời trung đại trong văn học các nước khu vực văn hóa chữ Hán" [Đoàn Lê Giang, 2006], đã giới thiệu *Nhật Bản linh dị ký* từ góc độ truyện tích Phật giáo thời sơ kỳ trung đại ở Nhật Bản. Năm 2007, bài viết "*Nhật Bản linh dị ký* trong nghiên cứu

so sánh với truyện cổ Việt Nam" của Vũ Tuyết Loan [Vũ Tuyết Loan, 2007] đã so sánh một số motif trong *Nhật Bản linh dị ký* và truyện cổ Việt Nam, qua đó lý giải những nét tương đồng và khác biệt giữa hai nền văn hóa. Các công trình này mang tính chất giới thiệu tổng quan, có đề cập đến sự hiện diện của các yếu tố Phật giáo, Nho giáo và tín ngưỡng dân gian trong *Nhật Bản linh dị ký*, song chưa đi sâu phân tích cơ chế dung hợp giữa các hệ tư tưởng này.

Tương tự Nhật Bản, Việt Nam cũng có bộ sưu tập thuyết thoại viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, tiêu biểu như *Lĩnh Nam chích quái*, *Việt điện u linh*, *Truyền kỳ mạn lục*, *Công dư tiệp ký*, *Lan trì kiến văn lục*... Trong đó, *Lĩnh Nam chích quái*, tương truyền do Trần Thế Pháp biên soạn vào cuối thế kỷ XIV, là tập hợp 22 câu chuyện truyền thuyết và thần thoại kỳ ảo lưu truyền trong dân gian, gắn với các giai thoại dựng nước, giữ nước, phong tục tập quán, tín ngưỡng và văn hóa tâm linh của người Việt sơ kỳ trung đại. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về tác phẩm này, trong đó một số ý kiến bước đầu chạm đến sự đan xen giữa tư tưởng Phật giáo và Nho giáo trong nội dung tác phẩm, tiêu biểu là nhận xét của Nguyễn Thị Oanh về *Lĩnh Nam chích quái*: "Có được nhân sinh quan đẹp đẽ, nồng ấm tình người ấy trong *Lĩnh Nam chích quái* cổ truyền, có lẽ là nhờ tinh thần tổng hợp bao dung ở thời đại Lý - Trần. Sự bắt gặp giữa tình thân ái 'thương người như thể thương thân' của dân tộc được kế tiếp bằng tư tưởng từ bi bác ái của Phật giáo, cộng với học thuyết nhân nghĩa của Khổng - Mạnh đã làm nên cốt cách và tâm hồn thời đại Lý - Trần" [Nguyễn Thị Oanh, 2024*:*318].

Nhìn chung, các công trình nêu trên hoặc dừng lại ở việc giới thiệu khái quát từng tác phẩm hoặc tiếp cận từ góc độ so sánh motif truyện kể mà chưa đặt vấn đề dung hợp tam giáo làm đối tượng khảo sát trực tiếp, càng chưa tiến hành đối sánh hiện tượng này giữa *Nhật Bản linh dị ký* và *Lĩnh Nam chích quái*. Trong khi đó, đọc kỹ hai văn bản dưới góc độ văn học so sánh có thể nhận thấy sự dung hợp giữa Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo (hay Thần đạo) hiện diện xuyên suốt và chi phối cách xây dựng nhân vật, cốt truyện cũng như thông điệp đạo đức ở cả hai tác phẩm. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết hướng đến giải quyết. Trên định hướng đó, chúng tôi đi sâu phân tích cách thức kết hợp tam giáo trong mỗi hệ thống thuyết thoại, đồng thời so sánh, đối chiếu để làm nổi bật những nét phổ quát và đặc điểm riêng trong mô hình dung hợp tam giáo của hai nền văn hóa Việt Nam và Nhật Bản.

2. VẤN ĐỀ "DUNG HỢP TAM GIÁO" Ở KHU VỰC ĐÔNG Á

Khái niệm "dung hợp tam giáo" thường được sử dụng để chỉ sự hòa đồng, hòa hợp và dung chứa lẫn nhau giữa ba hệ thống tôn giáo: Nho, Phật, Đạo (hay Thần đạo). Đây là

hiện tượng phổ biến không chỉ trong lịch sử triết học, văn hóa, tôn giáo mà còn tác động sâu sắc đến văn học. "Dung hợp tam giáo" được hiểu là sự liên kết và pha trộn giữa ba hệ thống tư tưởng nhằm đáp ứng những nhu cầu chính trị và văn hóa trong một hoàn cảnh xã hội cụ thể. Sự dung hợp này không chỉ xuất hiện ở Việt Nam mà còn là hiện tượng phổ biến và bao trùm đời sống tư tưởng thời trung đại tại các quốc gia đồng văn trong khu vực Đông Á. Cần lưu ý rằng sự dung hợp ở đây không chỉ bao gồm ba thành tố Phật giáo - Nho giáo - Đạo giáo mà còn bao hàm cả yếu tố văn hóa truyền thống bản địa.

Ở Trung Quốc, theo các nhà nghiên cứu, quan niệm dung hợp tam giáo hình thành từ thời Ngụy - Tấn, với người khởi xướng là Đạo gia Cát Hồng (284–364), sau đó được đạo sĩ Đào Hoằng Cảnh (456–536) đời Tề - Lương phát triển thêm. Chủ trương kết hợp Đạo giáo với Nho giáo và Phật giáo, Cát Hồng lập ra Đạo Kim Đan của giới quý tộc, lấy tư tưởng "Tam giáo đồng nguyên" làm tôn chỉ trên nền tảng Đạo giáo chính thống. Tư tưởng này dần phát triển và có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều tầng lớp xã hội Trung Quốc, từ vua quan, sĩ phu đến dân gian.

Đến thời Nam Bắc triều, vua Lương Vũ Đế chính thức đề xuất lý luận Tam giáo đồng nguyên trong *Tam giáo đồng nguyên thuyết*, chủ trương dung hợp tam giáo trên nền tảng Phật giáo. Đến Bắc triều Châu Võ Đế, tam giáo có sự phân tranh theo hướng đề cao Đạo giáo và hạn chế Phật giáo. Thời Đường, triều đình áp dụng chính sách quân bình giữa Nho - Phật - Đạo, thường xuyên tổ chức các cuộc tranh luận giữa nho sĩ, đạo sĩ và tăng nhân nhằm tìm ra điểm ưu việt của từng học thuyết. Chính sách này vừa tạo nên sự phân tranh, vừa thúc đẩy phát triển học thuật và hình thành khuynh hướng "Tam giáo tịnh lập" chấp nhận và tôn trọng cả ba hệ thống tư tưởng.

Đến thời Tống, sự dung hòa tam giáo đạt đến mức độ cao và ngày càng phong phú, thấm sâu vào các tầng lớp tư tưởng. Tư tưởng Phật - Nho có xu hướng hòa nhập theo nguyên tắc "dương Nho âm Thích" (bên ngoài là Nho, bên trong là Thích). Lý học thời Tống phát triển mạnh nhờ tiếp thu và cải biên nhiều nội dung của Phật giáo và Đạo giáo. Chu Đôn Di là người tiêu biểu trong việc kế thừa và chuyển hóa các yếu tố Phật - Đạo để xây dựng học thuyết của mình. Nhận định về sự dung hợp tam giáo thời kỳ này, Thích Thanh Kiểm cho rằng: "Các nhà nho học đời Tống phần nhiều chịu ảnh hưởng sâu xa của Phật giáo, nên Nho học đương thời có mối quan hệ rất rõ rệt với Phật giáo. Nếu người nghiên cứu về Nho học đương thời mà không hiểu Phật giáo thì cũng khó lòng hiểu được Nho học, đó là một đặc sắc của cái học Tống Nho" [Thích Thanh Kiểm, 2021:250-251].

Tư tưởng tam giáo phát triển mạnh nhất dưới hai triều Nguyên và Minh, được xem là thời kỳ "Tam giáo hợp nhất", khi ba tôn giáo tồn tại hòa thuận trong đời sống tinh thần

xã hội. Nổi bật là hai công trình *Tam giáo nhất nguyên đồ* của Đào Cửu và *Vô căn thọ giải* của Trương Tam Phong, đều cho thấy sự giao thoa và tương đồng giữa các học thuyết tam giáo, tuyên truyền tư tưởng "Tam giáo nhất gia" và "Tam giáo hỗn hợp luận". Một đại diện tiêu biểu khác là Lâm Triệu Ân, biệt danh "Tam giáo tiên sinh". Ông sáng lập "Đại Thành giáo", lấy tư tưởng hòa hợp tam giáo làm tôn chỉ. Tuy xuất thân từ nền giáo dục Nho học, ông lại sống và tu hành như một đạo sĩ, đồng thời đề xướng tư tưởng dung hợp Nho - Phật - Đạo theo "tâm pháp".

Đầu thời Thanh, sự dung hợp tam giáo vẫn khá phổ biến. Tuy nhiên đến cuối triều đại này, tư tưởng dung hợp suy giảm, dù vẫn để lại ảnh hưởng nhất định trong đời sống xã hội. Trong *Việt Nam văn hóa sử cương*, Đào Duy Anh đã nhận định:

> Ở Trung Quốc thì từ thời Tam quốc, Vương Bật cho sách Lão Tử và Chu Dịch là một loại, đến Nam - Bắc triều, các nhà Đạo học cho Lão học với Phật học vốn là một dòng; rồi đến đời Tấn có sách *Du đạo thiên* xướng luận điệu "Nho Phật nhất trí", thế là bắt đầu tư tưởng tam giáo đồng nguyên. Tiếp đến Vương Thông đời Tùy, tuy là một nhà nho thuần túy mà cũng cho tam giáo là đồng nhất. Sang đời Đường thì tư tưởng ấy cũng phổ thông lắm; Lưu Mật làm sách Nho - Thích - Đạo bình tâm luận cũng nói về lẽ tam giáo đồng nguyên. Tư tưởng ấy đã ảnh hưởng đến học giới nước ta, cho nên ở đời Lý, Trần nước ta cũng tôn trọng cả ba giáo Nho, Phật, Lão. Ta có thể gọi đời ấy là thời đại tam giáo đồng tôn vậy [Đào Duy Anh, 2022:236].

Ở Nhật Bản, hiện tượng dung hợp tam giáo thường được nhắc đến với sự hòa hợp giữa ba hệ tư tưởng: Phật giáo, Nho giáo và Thần đạo. Ngay cả Thần đạo, một giáo phái chuyên môn về nghi lễ tế tự thần linh phát sinh ở Nhật Bản từ thời cổ đại, cũng chịu nhiều ảnh hưởng từ những tư tưởng phổ biến của Nho, Phật, Đạo, đặc biệt là thuyết nghiệp báo - nhân quả của nhà Phật.

Phật giáo chính thức du nhập vào Nhật Bản vào thời Khâm Minh Thiên hoàng (Kinmei-tennō, tại vị 539-571), thông qua sự kiện vua nước Triều Tiên cống hiến cho hoàng triều Nhật Bản những kinh pháp và tượng Phật (khoảng năm 538). Đến đời Thánh Đức Thái tử (Shotoku Taishi), Phật giáo trở thành tôn giáo phổ biến, bám rễ vào đời sống và tâm hồn dân tộc, được dùng như tôn giáo thống nhất tư tưởng quốc gia. Bên cạnh Phật giáo, cũng như hầu hết các quốc gia Đông Á khác, Nhật Bản xem Nho giáo là công cụ để củng cố chính trị và ổn định trật tự xã hội. Từ thời cổ đại, ở Nhật Bản đã có thuyết "Nho Phật nhất trí", được phổ biến rộng rãi từ niên hiệu Thiên Bình (729). Quan niệm này được thể hiện rất rõ trong *Thập thất điều hiến pháp* - mười bảy điều hiến pháp được xây dựng dựa vào tư tưởng chính trị Nho giáo trên nền tảng giáo lý căn bản của Phật giáo. Trong

Nhật Bản sử liệu ở Thiên cổ đại đã khẳng định: "Phật giáo là nội điển, Nho giáo là ngoại điển. Phật giáo là tôn giáo chi phối thế giới tâm tình bên trong, Nho giáo là nền đạo học quy định phương thức sinh hoạt bên ngoài. Vì thế nội và ngoại là nhất thể" (được trích dẫn bởi Thích Thiên Ân, 2018, tr. 285). Ngoài ra còn có các chủ trương "Phật bản Thần tích" hay "Thần bản Phật tích". Dù có sự cạnh tranh ở phương diện đề cao Phật giáo hay Thần đạo, nhìn chung chúng đều tương đồng trên một lập trường "Phật Thần nhất thể".

Vào thời sơ kỳ trung đại (Nara và Heian), nhiều vị thiền sư Trung Hoa khi truyền Phật giáo đến Nhật Bản đã giảng thêm những đạo lý Nho học dựa trên những điểm tương đồng giữa Nho và Phật. Trong *Chu Tử giảng tập* có chép: "Đại để, nền đạo học của Thánh nhân (Nho giáo) là lấy tâm làm gốc để cùng được lý, thuận theo lý và ứng theo vật. Nền đạo học của họ Thích (Phật giáo) cũng thường chủ trương lấy tâm để cầu tâm và điều khiển, chế ngự được tâm" (được trích dẫn bởi Thích Thiên Ân, 2018: 296). Tuy nhiên, phạm vi ảnh hưởng của Nho giáo còn hẹp, chủ yếu ở tầng lớp quý tộc và tăng sĩ. Không Hải thiền sư, sau khi du học Phật pháp ở Trung Hoa, đã đem về Nhật số lượng lớn các bộ kinh, sáng lập Chân Ngôn tông và đề xướng thuyết "Tam giáo hiệp đồng". Ở Nhật Bản thời kỳ này tồn tại cả ba hệ tôn giáo: Nho, Phật và Thần đạo, trong đó Phật giáo có tầm ảnh hưởng sâu rộng và được xem như quốc giáo.

Ở thời trung kỳ trung đại (Kamakura và Muromachi), Phật giáo phát triển cực thịnh, Thiền tông phổ cập trong mọi tầng lớp dân chúng. Các thiền sư muốn dung hợp Thiền học với tư tưởng Tống Nho nhằm khuếch trương hoạt động của các tông phái Phật giáo trên phạm vi toàn quốc. Nhà chùa nghiên cứu và giảng dạy Nho giáo như một môn học bắt buộc, vừa chống lại chủ trương bài Phật, vừa thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo, thu phục nhân tâm và ổn định trật tự xã hội. Nhìn chung, ở thời kỳ này, cả ba hệ tư tưởng Nho giáo, Phật giáo và Thần đạo đều được nâng đỡ và tịnh hành, nhờ đó quan niệm dung hợp tam giáo trở nên phổ biến rộng rãi.

Đến thời hậu kỳ trung đại (Edo), dưới ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử - xã hội, Nhật Bản chuyển dần sang mô hình văn hóa Nho giáo. Nho giáo và Thần đạo tác động vào đời sống theo khuynh hướng "Thần Nho nhất trí". Thời kỳ này cũng diễn ra phong trào tân hưng Phật giáo, đưa đạo Phật trở nên phổ biến trong dân gian theo chủ trương giản dị hóa Phật giáo. Thực tế cho thấy, khuynh hướng dung hợp tam giáo đã xuất hiện từ thời cổ đại và tác động trực tiếp đến hệ tư tưởng cũng như đời sống văn hóa, chính trị, xã hội ở Nhật Bản. Dù ba hệ tư tưởng Phật giáo, Nho giáo và Thần đạo ở quốc gia này có lúc đối kháng, cạnh tranh lẫn nhau, nhưng nhìn chung vẫn hướng đến sự hài hòa, dung hợp, cùng thịnh hành và phát triển.

Ở nước ta, dung hợp tam giáo là phương thức phổ biến nhất, bao trùm toàn bộ hệ tư tưởng dân tộc, xuyên suốt chiều dài lịch sử văn hóa tinh thần Việt Nam. Sự dung hợp tam giáo vốn đã được hình thành từ rất sớm, kết hợp với tư tưởng đạo đức truyền thống, phong tục tập quán và tâm lý văn hóa bản địa. Nho, Phật, Đạo truyền vào nước ta ngay từ thời Bắc thuộc đã không hoàn toàn là Nho, Phật, Đạo nguyên thủy mà đã được "bản địa hóa", phù hợp với đời sống tư tưởng đạo đức và tâm thức của dân tộc. Khi **Sĩ Nhiếp** được bổ nhiệm làm Thái thú Giao Châu, ông chọn trị sở là Luy Lâu - vùng đất Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang trực tiếp theo đường biển từ phương Nam, tạo nên tính chất hỗn dung giữa hệ tư tưởng ngoại lai với nền văn hóa bản địa. Sĩ Nhiếp đã tích cực truyền bá Nho giáo trong sự lồng ghép với tư tưởng của Phật giáo và Đạo giáo, hình thành nền Nho học phương Nam mang màu sắc mới mẻ trên tinh thần dung hợp tam giáo. Trong khi đó, đạo Phật ngay từ những ngày đầu du nhập vào nước ta đã thâm nhập vào đời sống tín ngưỡng dân gian với tinh thần hòa đồng, cởi mở, sẵn sàng dung hợp với các hệ tư tưởng khác. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội đã làm cho các học thuyết Nho, Phật, Đạo tuy du nhập từ bên ngoài vẫn không phá vỡ sự hoàn chỉnh vốn có trong thế giới quan, nhân sinh quan người Việt, ngược lại, nó còn tự dung hòa và phát triển trên cơ sở đó. Chính vì vậy, sự dung hợp tam giáo ở nước ta mang màu sắc riêng, không hoàn toàn đồng nhất với bất cứ dân tộc nào. Những hình thức dung hợp tam giáo dù có khác nhau nhưng đều lấy những giá trị cốt lõi của Nho - Phật - Đạo làm nền tảng, trên cơ sở kết hợp, hòa trộn, đan xen, thống nhất các yếu tố tư tưởng và được vận dụng phù hợp với điều kiện lịch sử - xã hội từng thời kỳ. Chính sự dung hợp tư tưởng này đã góp phần kiến tạo một xã hội an lạc, hòa giản; một đời sống tinh thần phong phú, linh hoạt, dân chủ, mang diện mạo văn hóa riêng của dân tộc.

Sự dung hợp tam giáo thường được thể hiện qua các thuật ngữ phổ biến như:

"Tam giáo đồng nguyên", **"Tam giáo nhất nguyên"**, **"Tam giáo đồng tông"**: khẳng định ba tôn giáo Nho, Phật, Đạo đều có chung một nguồn gốc. Trong đó, "tam giáo đồng nguyên" là thuật ngữ phổ biến nhất khi nói về sự dung hợp tam giáo ở nước ta, đặc biệt là ở mô hình văn hóa, văn học thời Lý–Trần với khuynh hướng lấy Phật giáo làm trung tâm.

"Tam giáo nhất gia", **"Tam giáo hỗn dung"**: cả ba tôn giáo Nho, Phật, Đạo thâm nhập, hòa hợp và chung sống lẫn nhau.

"Tam giáo đồng quy", **"Tam giáo hợp lưu"**: chỉ sự gặp gỡ, hội tụ các điểm tương đồng trong học thuyết của ba tôn giáo, được coi như cùng quy về một mối.

"Tam giáo nhất trí", **"Tam giáo nhất thể"**: cả ba tôn giáo được xem như đồng nhất với nhau, không có sự phân biệt.

"Tam giáo tịnh hành": cả ba tôn giáo cùng tồn tại, hoạt động và phát triển hòa hợp trong xã hội.

Trong suốt chiều dài lịch sử văn hóa tinh thần Đông Á, Nho - Phật - Đạo (hay Thần đạo) luôn hòa nhập vào tín ngưỡng bản địa truyền thống, cùng đồng hành và phân công hợp tác, hình thành nên quan niệm dung hợp tam giáo. Tinh thần cởi mở, khoan hòa đã góp phần kết nối những lực lượng có phần đối lập với ý thức hệ khác nhau cùng tìm kiếm một phương thức thống nhất, hướng đến sự ổn định và nhất trí trong xã hội. Dù có những bước tiến thoái khác nhau tùy theo hoàn cảnh lịch sử - xã hội, song cả ba tôn giáo đều thể hiện sự cố gắng trong việc "cầu đồng tồn dị", với mong muốn hòa đồng, hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau, cùng tồn tại và phát triển.

4.2. Sự thể hiện các yếu tố Nho - Phật - Đạo trong "Nhật Bản linh dị ký" và "Lĩnh Nam chích quái"

Nhật Bản linh dị ký được sư Keikai biên soạn trong giai đoạn Phật giáo đang phát triển mạnh mẽ, do đó Phật giáo trở thành tư tưởng nền tảng xuyên suốt, được thể hiện qua các **motif** phổ biến như nghiệp báo - nhân quả, quan niệm về **luân hồi**, giải thoát và công đức tu hành… Ở *Lĩnh Nam chích quái*, yếu tố Phật giáo cũng được thể hiện rõ nét với sự xuất hiện của các nhà sư, những di tích, địa danh mang dấu ấn Phật giáo, đề cao lòng từ bi, hướng con người đến việc tu tập để đạt được giải thoát… Từ những ảnh hưởng sâu sắc và nổi bật của Phật giáo, mối quan hệ tam giáo được chúng tôi xác lập dựa trên tinh thần dung hòa Phật - Nho, hòa đồng Phật - Đạo và sự dung hợp của các tôn giáo với tín ngưỡng văn hóa dân gian bản địa.

3.1. Sự dung hòa giữa Phật giáo và Nho giáo

Nhiều dấu hiệu từ kho tàng thần thoại, truyền thuyết dân gian cho thấy sự dung hợp tư tưởng từ rất sớm trong tín ngưỡng của người dân đất Việt, đặc biệt là giữa Phật giáo và Nho giáo. Nếu Nho giáo đặt nền móng cho trật tự vương quyền, luân thường đạo lý và tinh thần nhập thế phụng sự xã hội, thì Phật giáo lại mang đến chỗ dựa tâm linh thông qua quy luật nhân quả, luân hồi và tư tưởng hộ quốc an dân. Sự giao thoa này thể hiện rõ nét qua motif thoát xác - hóa thân trong *Truyện Từ Đạo Hạnh*. Theo quan niệm Nho giáo chính thống, bậc đế vương là "Thiên tử" cai quản muôn dân. Tính chính danh của ngai vàng xuất phát từ trật tự vũ trụ trừu tượng của thuyết Thiên mệnh. Thế nhưng, câu chuyện Lý Thần Tông vốn là kiếp sau của thiền sư Từ Đạo Hạnh hóa thân tại chùa Thiên Phúc đã tạo nên một sự tích hợp tư tưởng độc đáo: bậc "Thiên tử" trị quốc theo chuẩn mực Nho gia đồng thời cũng chính là một "Phật tử" đắc đạo tái sinh. Tính chính danh của vương quyền lúc này không chỉ được khẳng định bằng ý trời (Nho giáo), mà

còn được bảo chứng bởi công hạnh tu trì, giới đức và sự mầu nhiệm của Phật pháp. Vua chốn hoàng cung và sư nơi thiền môn hòa làm một, thể hiện sự đồng thuận cao độ giữa quyền lực thế tục và uy tín tâm linh. Bên cạnh đó, tinh thần dung hòa Nho - Phật còn được tiếp nối sinh động qua *Truyện Sóc Thiên Vương*. Hành động đứng lên dẹp giặc Ân cứu nước của Thánh Gióng là biểu tượng mẫu mực cho đạo lý "trung quân ái quốc" và tinh thần trách nhiệm xã hội của Nho gia. Tuy nhiên, trong không gian văn hóa thời Lý, vị thần này lại được triều đình và giới tăng lữ đồng nhất với hình tượng Tỳ Sa Môn Thiên Vương (Vaisravana) - vị Thiên vương hộ pháp trấn giữ phương Bắc của nhà Phật. Nghĩa vụ bảo vệ giang sơn của một thần dân mẫu mực (Nho) được nâng tầm và gắn liền với sứ mệnh bảo hộ Phật pháp, che chở quốc gia (Phật).

Motif hóa thân kỳ diệu từ một cao tăng Phật giáo thành một thiên tử Nho giáo cũng xuất hiện trong *Nhật Bản linh dị ký ở Chuyện sư tăng có tri thức, tu hành đắc đạo được đầu thai trở thành con của Thiên hoàng*. Khi thiền sư Zenju hấp hối, linh hồn của ông đã nhập vào người lên đồng và cho biết sẽ đầu thai vào con của Tajihi, phu nhân quốc vương Nhật Bản. Sau đó, vào thời Thiên hoàng Shomu, sư tăng Jakusen trước lúc lâm chung cũng viết thư cho đệ tử dặn dò: "Sau khi ta mất được hai mươi tám năm, quốc vương khi sinh con sẽ đặt tên là Kamino. Nếu mang tên đó thì chắc chắn ngươi có thể biết ta đã được đầu thai".

Trong *Nhật Bản linh dị ký*, Thánh đức thái tử, con trai của Thiên hoàng Yomei, được miêu tả là người thông minh,"đi đứng uy nghi như một Hòa thượng, thích chú nhiều kinh Phật như Thắng mạn kinh, Pháp Hoa kinh… Ông còn hoằng dương đạo Phật, ban hành chế độ cấp bậc cho các quan" (*Chuyện những biểu hiện khác thường của Thánh đức thái tử*, quyển Thượng). Hình ảnh Thánh đức thái tử đã thể hiện mối quan hệ song hành Phật - Nho. Nếu như Phật giáo đóng vai trò nền tảng trong việc tu dưỡng đạo đức và trí tuệ tâm linh: "đi đứng uy nghi như một Hòa thượng", thì Nho giáo định hướng cho việc củng cố trật tự xã hội và trị quốc: "ban hành chế độ cấp bậc cho các quan". Điều này phản ánh xu hướng phổ biến trong tư tưởng Đông Á trung đại, trong đó Phật giáo được xem là phương tiện tu dưỡng nhân tâm, còn Nho giáo thiết lập hệ thống lễ nghi và thể chế chính trị nhằm duy trì trật tự xã hội. Sự kết hợp này giúp bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau trên con đường xây dựng hình mẫu một người anh hùng lý tưởng. Từ đây, chuẩn mực đạo đức của giai cấp thống trị cũng được xác lập, bậc trị vì phải là người vừa có tấm lòng từ bi, đức độ, vừa có bản lĩnh điều hành xã hội.

Trong *Chuyện Ỷ thế làm quan, cai trị dân không hợp đạo lý, bị quả báo tội chết,* Furumaro do cậy chức quyền đã bóc lột, tịch thu phi lý tài sản, của cải của dân, sau khi

chết đã phải chịu nhiều cực hình hà khắc ở Diêm Ma Vương. Câu chuyện không dừng lại ở việc phê phán đạo làm quan mà chuyển sang cơ chế trừng phạt và cứu chuộc theo triết lý Phật giáo. Việc Furumaro nhờ Hino Kimi giúp chép kinh Pháp Hoa để được tha tội minh chứng cho thuyết Nghiệp báo và Luân hồi cốt lõi của nhà Phật. Đặc biệt, hành động của Thiên hoàng khi "mời bốn vị kinh sư đến chép kinh Pháp Hoa, mở Pháp hội lớn ở cung Nara" thể hiện sự kết hợp giữa quyền lực thế tục (Nho giáo) và quyền lực tâm linh (Phật giáo). Thiên hoàng - biểu tượng của trật tự chính trị Nho giáo - sử dụng nghi lễ Phật giáo để thanh tẩy tội lỗi, củng cố đạo đức xã hội chính là biểu hiện của mô hình Nho - Phật song hành. Lời kết không chỉ một lần nữa khẳng định người làm quan sống trái với đạo lý cũng sẽ phải chịu nhân quả báo ứng: "Đạo lý nhân quả không thể không có" mà còn tổng kết mối quan hệ bổ trợ giữa hai hệ tư tưởng Phật - Nho.

Mối quan hệ mật thiết giữa Phật giáo và Nho giáo trong đạo đức học phương Đông còn thể hiện ở việc coi trọng chữ hiếu. Trong Hiếu kinh, Khổng Tử đã khẳng định: "Hiếu dã, thiện chi bản dã" (Hiếu là gốc của mọi điều thiện). Con người lý tưởng trước hết là con người hiếu thuận trong gia đình, từ đó mở rộng ra phạm trù trung hiếu trong mối quan hệ với cộng đồng. Nho giáo xem hiếu là hạt nhân quan trọng hình thành nên phẩm chất của người quân tử, là gốc của "đức" và là nền tảng của "giáo". Đề cao tầm quan trọng của chữ hiếu, Phật giáo cũng khẳng định thờ cha, kính mẹ chính là thực hành con đường tu chứng. Trong *Nhật Bản linh dị ký*, *Chuyện một người chuyên tâm đọc kinh Pháp Hoa* kể về việc chàng trai được báo mộng đã tìm lại được cha mẹ của mình ở kiếp trước và không bao giờ quên việc báo hiếu cha mẹ:

Tuyệt thay dòng họ Kusakabe

Tụng kinh cầu đạo

Trải qua hai đời

Quá khứ hiện tại

Niệm kinh Pháp Hoa

Báo hiếu hai cha

Danh thơm truyền mãi.

Bên cạnh đó, *Nhật Bản linh dị ký* cũng có nhiều câu chuyện kể về luật nhân quả báo ứng dành cho những đứa con bất hiếu, ngược đãi cha mẹ. Trong *Chuyện người đàn ông tàn ác không kính dưỡng mẹ bị quả báo tội chết*, Miyasu là học sinh của Daigakuryō (Đại học liêu) đã từng đọc kinh điển Nho gia nhưng không nuôi dưỡng mẹ. Có một lần bà mẹ vay thóc nhưng chưa trả được, ông quở trách và đòi trả lãi. Những người khách khi thấy

"mẹ ngồi dưới đất, con nằm trên giường" đã khuyên nhủ: "Tại sao cậu lại có thể làm trái đạo hiếu như vậy? Cậu hãy xem người khác cũng có người vì cha mẹ mà xây tháp, tạo Phật tượng, chép kinh, ân cần mời các sư về làm lễ vào hạ. Nhà cậu giàu có, nhiều thóc gạo cho vay, lời lãi lắm, vậy mà vẫn làm trái đạo thánh hiền, không phụng dưỡng cho mẹ chu đáo". Miyasu bỏ ngoài tai những lời khuyên đó, về sau, tâm trí hoảng loạn, nhà cửa bị thiêu rụi, không còn chỗ nương thân, bị đói rét đến chết. Hành vi bất hiếu đi ngược lại với chuẩn mực đạo đức Nho gia để rồi nhận kết cục bi thảm chính là minh chứng cho luật nhân quả báo ứng của nhà Phật. Nho giáo cung cấp chuẩn mực đạo đức về mối quan hệ con người theo "ngũ luân" còn Phật giáo bổ sung cơ chế "nhân quả" nhằm đảm bảo chuẩn mực đạo đức ấy được tuân thủ. Song song đó, truyện còn thể hiện quan điểm: người con hiếu thảo không chỉ phụng dưỡng cha mẹ theo đạo đức Nho học mà còn phải thực hành Phật pháp (xây tháp, tạc tượng Phật, chép kinh…) để đạt được sự báo hiếu đủ đầy.

Trong *Lĩnh Nam chích quái*, *Truyện Đầm Nhất Dạ*, Chử Đồng Tử được miêu tả là người con hiếu thuận, mặc dù trước khi mất, cha có dặn dò: "Vì cha có bệnh nên để trần mà chôn, giữ lại khố cho con đi đâu khỏi xấu hổ" tuy nhiên khi cha mất, Chử Đồng Tử vẫn lấy khố liệm cho cha rồi mới chôn. Khi Hùng Vương cho rằng con gái làm loạn, mang quân đi đánh, Tiên Dung cười nói với quần thần: "Việc đó không phải do ta làm mà do trời xui nên, sống chết do trời, con nào dám chống cha, phản bội lẽ phải, mặc cho chém giết".

Dưới lăng kính Phật giáo, đạo hiếu không chỉ giới hạn ở cha mẹ hiện tiền mà mở rộng thành trách nhiệm tri ân và báo ân với tứ sinh phụ mẫu muôn đời qua quan niệm Tứ trọng ân (ân cha mẹ, ân Tam bảo, ân quốc gia, ân chúng sinh). Chi tiết dân làng xúm lại gom góp cơm áo nuôi Đổng Thiên Vương khi người mẹ kiệt sức chính là biểu tượng cho sự cưu mang của ân chúng sinh. Nhờ nguồn dưỡng chất từ cộng đồng, cậu bé vươn mình thành tráng sĩ, dẹp tan giặc ngoại xâm. Hành động xả thân bảo vệ non sông ấy không chỉ là tinh thần trung nghĩa thông thường, mà chính là sự hiện thực hóa việc đền đáp đồng thời ân quốc gia và ân chúng sinh, nâng tầm chữ hiếu lên đỉnh cao của tinh thần nhập thế và đại nguyện cứu độ theo thế giới quan Phật giáo.

Phật giáo dù có những giai đoạn phát triển mạnh mẽ, giữ vị trí quan trọng trong việc tạo lập các hệ giá trị văn hóa tinh thần, nhưng nó không thể tách ra riêng biệt và thể chế hóa để vươn lên vị trí độc tôn mà vẫn phải tôn trọng chế độ xã hội được tổ chức theo mô hình Nho giáo, tồn tại song hành với Nho giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng dân gian khác. Lý thuyết của Phật giáo không đề cập tới chính trị, do đó để điều hành đất nước cần phải sử dụng những giải pháp chính trị - xã hội ngoài Phật giáo, đặc biệt là các tư tưởng, học thuyết Nho giáo. Sự tiếp thu và thể hiện các học thuyết trên tinh thần dung hợp khiến

các tác phẩm có sự đan xen mật thiết giữa Phật giáo và Nho giáo. Trong lời tựa của *Nhật Bản quốc hiện báo thiện ác linh dị ký*, quyển trung, thiền sư Keikai nhận định:

> "Chúng sinh trở về trong tam giới như bánh xe luân hồi. Phải qua lục đạo, như cánh bèo di động. Chết chỗ này lại sinh ra chỗ kia, phải chịu muôn vàn khổ cực. Do gây ác mà bị đưa đến nơi khổ cực, vì làm việc thiện mà được thác nơi an lạc tịnh thổ. Tấm lòng từ bi có thể thuần phục cho hổ dữ ngồi trên đùi, yêu thương sinh vật sống tới mức có thể cho chim đậu trên đầu. Bảy việc thiện của Mạnh Thường Quân và ba đức thiện của Lỗ Cung là ý nói việc này vậy" [Nguyễn Thị Oanh, 1999:187].

3.2. Sự hòa đồng giữa Phật giáo và Đạo giáo (hay Thần đạo)

Thần đạo là tôn giáo lâu đời được người Nhật tôn kính và lưu giữ. Thần đạo thể hiện niềm tin của con người vào các đối tượng siêu nhiên và những điều bí ẩn, kỳ lạ trong tự nhiên theo quan niệm "vạn vật hữu linh". Theo quan niệm của Thần đạo, mọi sự vật trên thế giới đều có sự sống, linh hồn và trong tự nhiên luôn tồn tại các vị thần có sức mạnh linh diệu. Tuy không đặt ra những điều lệ bắt buộc người theo đạo phải tuân theo, Thần đạo vẫn đem đến những giá trị, chuẩn mực và góp phần hình thành nên các phẩm chất tốt đẹp.

Trước khi Phật giáo du nhập vào Nhật Bản, Thần đạo gần như chiếm vị trí độc tôn, các hoạt động tâm linh chủ yếu dựa trên hệ thống quan niệm và tín ngưỡng của Thần đạo. Khoảng năm 552, Phật giáo truyền vào Nhật Bản, phát triển nhanh chóng và song hành với Thần đạo. Trong *Chuyện chú bé có sức mạnh nhờ sự trả ơn của thần Sấm*, người nông dân do tha chết cho thần Sấm nên được thần ban cho đứa con. Đứa trẻ này khi làm tiểu ở chùa Gango đã giúp các sư tăng bắt được quỷ - vốn là linh hồn của một kẻ hầu ác - trên gác chuông chùa và trở thành Ubasoku. Sau khi xuất gia đắc đạo, Ubasoku được đặt tên là Pháp sư Dojo. Quá trình từ đứa con được thần ban cho đến một thiền sư xuất gia đắc đạo đã thể hiện sợi dây liên kết mật thiết giữa Thần đạo và Phật giáo. Nếu Thần đạo đem đến sức mạnh nền tảng để có thể hàng phục quỷ dữ, thì Phật giáo giúp chú bé hoàn thiện tâm linh. Ngay cả khi có nguồn gốc từ thần linh, con người vẫn cần tu hành theo Phật giáo để đạt giá trị giải thoát cao nhất. Tương tự, *Chuyện người con gái sinh ra từ cục thịt, tu hành Phật pháp, giáo hóa chúng dân* cũng phản ánh hành trình từ một sinh linh kỳ dị đến một nhà tu hành Phật đạo. Vợ của Toyobuku no Hirogimi hạ sinh một cục thịt giống quả trứng chim; khi vỏ ngoài bọc thịt nứt vỡ, xuất hiện một cô gái "đầu sát với thân, không có cổ như người thường, thân to gần ba thước năm tấc". Tuy nhiên, cô bé lại vô cùng thông minh, hoạt bát, "mới bảy tuổi đã đọc được kinh Pháp Hoa và kinh Bát Thập Hoa Nghiêm". Cô phát nguyện cắt tóc xuất gia tu hành Phật đạo, giáo hóa chúng sinh.

Ngược lại, những người bình thường dù không xuất gia tu hành theo Phật giáo nhưng giữ lối sống thanh đạm, thuần khiết cũng có thể hóa thành thần tiên: "Người bình thường ở nhà sống ngay thẳng, thanh đạm, giữ gìn sạch sẽ nơi thờ Phật thì cũng có thể hưởng ngũ phúc" (*Chuyện người phụ nữ đức hạnh có tấm lòng cao khiết được ăn cỏ tiên bay lên trời*). Phật giáo đã tiếp nhận và giải thích hiện tượng "thành tiên" trong Thần đạo, xem đó là "quả" tốt đẹp dành cho những người sống đạo đức. Nhiều câu chuyện trong *Nhật Bản linh dị ký* cũng khuyên con người thành tâm phát nguyện, tu dưỡng theo Phật giáo để đạt kết quả tốt đẹp, như: *Chuyện nhờ cầu nguyện Quan Âm Bồ Tát được báo đền*, *Chuyện cô gái mồ côi kính tượng đồng Quan Âm được hiện báo có điềm kỳ lạ*, *Chuyện nhà sư siêng tụng niệm kinh Bát Nhã Tâm được ứng nghiệm*…

Chuyện vương nữ nghèo túng kính tin tượng nữ thần Kichijo được báo ứng phản ánh hiện tượng đồng nhất giữa Phật giáo và Thần đạo trong tư tưởng Nhật Bản thời trung đại. Vào thời thiên hoàng Shomu, có hai mươi ba vương hầu cùng kết bạn, trong đó có một vương nữ (con gái hoàng tộc) nghèo túng "do quả báo của kiếp trước", đã thành tâm cầu khấn nữ thần Kichijo ban cho của cải để đãi mọi người. Sau đó, cô biết rằng nhờ đức Bồ Tát cảm ứng lời cầu nguyện mà trở nên giàu có. Câu chuyện đặt ra mối liên hệ thú vị: vương nữ "thành tâm cầu khấn nữ thần Kichijo" nhưng lại được "Bồ Tát cảm ứng lời cầu nguyện". Sự chuyển hóa từ "nữ thần Kichijo" sang "Bồ Tát" chính là biểu hiện của quan niệm *Shinbutsu-shugo* (神仏習合) - sự kết hợp giữa Thần và Phật. Dù vương nữ có địa vị cao quý, vẫn không thể chống lại nghiệp lực mà phải chịu nghèo túng "do quả báo của kiếp trước" theo quan niệm Nghiệp báo - nhân quả. Tuy nhiên, sự thành tâm cầu khấn nữ thần Kichijo theo cơ chế cảm ứng của Thần đạo giúp cô đạt kết quả tốt đẹp. Nếu Nghiệp báo của Phật giáo thường được xem xét trong nhiều kiếp, thì việc cầu khấn Thần đạo cảm ứng có thể xảy ra tức thời trong hiện tại. Nghiệp báo của Phật giáo giải thích nguyên nhân sâu xa, cảm ứng Thần đạo cung cấp phương thức hóa giải và Bồ Tát là trung gian kết nối hai hệ thống tôn giáo. Sự kết hợp này tạo nên một mô hình nhân quả mới giữa quan niệm nghiệp báo của Phật giáo (kiếp trước) và cảm ứng Thần đạo (kiếp này), linh hoạt và ứng dụng hơn cả Phật giáo và Thần đạo thuần túy.

Đạo giáo trong thuyết thoại thường là Đạo giáo dân gian, có đôi chút khác biệt với Đạo giáo chính thống. So với Đạo giáo chính thống, đạo giáo dân gian có sự hòa quyện mật thiết với tín ngưỡng bản địa hơn, nổi bật ở việc tôn thờ các vị thần, các anh hùng dân tộc như Lạc Long Quân, Man Nương, thần Long Nhãn, Như Nguyệt, Sỹ Vương, Thánh Gióng… Đạo giáo trong *Lĩnh Nam chích quái* không hoàn toàn nguyên mẫu từ Trung Quốc mà đã được Việt hóa; các câu chuyện gắn yếu tố thần tiên với địa danh đặc trưng như sông Tô Lịch, núi Tản Viên, Giếng Việt, Đầm Nhất Dạ… Hình tượng các vị

thần được xây dựng phù hợp văn hóa và tâm thức người Việt: Lạc Long Quân (tổ tiên), Sơn Tinh, Thủy Tinh (thần núi, thần nước)… Nếu Đạo giáo Trung Quốc nhấn mạnh chủ trương xuất thế, xa rời trần tục để tu luyện thành tiên, thì Đạo giáo Việt Nam là sự kết hợp hài hòa giữa xuất thế và nhập thế. Thánh Gióng hoàn thành sứ mệnh cứu nước trước khi bay lên trời; Chử Đồng Tử và Tiên Dung là người hiếu thảo, sống đạo đức và có trách nhiệm với cộng đồng.

Hệ tư tưởng Đạo giáo có nhiều điểm giao thoa với Phật giáo. Do đó, đôi khi hai luồng tư tưởng thâm nhập, chuyển hóa lẫn nhau, hình thành những tác phẩm vừa mang âm hưởng Phật giáo, vừa phảng phất sắc màu huyền diệu, kỳ ảo của Đạo giáo dân gian. Nhiều nhân vật trong *Lĩnh Nam chích quái* là sự hóa thân của thần tiên với các phép biến hóa thần thông: "An Dương Vương ngày nào cũng ra núi phía đông đứng chờ, chợt thấy Giang sứ là rùa vàng từ phía đông đứng trên mặt nước, có thể nói tiếng người tự xưng là vương sứ, có thể biết rõ việc trời đất âm dương quỷ thần" (*Truyện Cổ Rùa vàng*). Trong các truyện như *Truyện Ứng thiên hóa Dục Hậu Thổ thần*, *Truyện Hồng Thánh Đại thần vương*, *Truyện Uy linh Bạch Hạc thần từ*… đều thấy sự tương giao giữa con người và thần linh, thường thông qua giấc mơ. Hầu hết các vị thần đều có công giúp vua quan dẹp giặc, giữ yên bờ cõi, góp phần đem đến đời sống thái bình thịnh trị cho muôn dân. Trong *Truyện Minh ứng Cổ Sở thần từ*, Lý Phục Man, trung thần của Lý Nam Đế, sau khi được Lý Thái Tổ lập đền miếu đã ngăn chặn vó ngựa xâm lược của giặc Thát Dát, dẹp nghịch tặc phương Bắc, được xem là "Thiện linh thần".

Nhìn chung, trong *Lĩnh Nam chích quái*, Phật giáo và Đạo giáo có sự song hành và giao thoa, trong đó Đạo giáo được Việt hóa mạnh mẽ gắn liền với tín ngưỡng dân gian bản địa. Dù một truyện có cả Phật và Đạo, chúng không hòa tan vào nhau mà vẫn giữ bản sắc riêng, cùng hướng tới mục tiêu chung: hoàn thiện đạo đức, hộ quốc an dân, báo đền công ơn tổ tiên. Dù Phật giáo là nguyên nhân, động cơ hay phương hướng hành động, mục tiêu cuối cùng không phải là đắc đạo, nhập Niết bàn mà là "thành tiên", "về trời" theo Đạo giáo. Thánh Gióng sau khi đánh tan giặc Ân đã "cưỡi ngựa sắt bay lên trời"; Tiên Dung, Chử Đồng Tử cùng quần thần, binh lính, dân chúng và thành quách "bật tung bay lên trời" sau khi giác ngộ Phật đạo.

Nhật Bản linh dị ký hướng tới mô hình Thần - Phật nhất thể với sự dung chứa và hòa quyện giữa Phật giáo và Thần đạo, trong đó Phật giáo chiếm ưu thế rõ ràng. Điều này là bởi Thần đạo chủ yếu thực hiện chức năng nghi lễ dân gian, không có hệ thống giáo lý, kinh điển, hay tổ chức giáo hội nên phần nào phụ thuộc vào Phật giáo. Từ đó, Phật giáo tiếp nhận các vị thần vào hệ thống vũ trụ quan và lý giải họ như sự hiện thân tạm thời của Phật để phổ độ chúng sinh. Không chỉ tiếp nhận các vị thần, Phật giáo Nhật Bản còn

tái định nghĩa Thần đạo: thần không còn là thực thể siêu việt tuyệt đối mà vẫn chịu luân hồi và cần Phật pháp để giải thoát. Nhiệm vụ của thần là bảo vệ Phật pháp và phụng sự Tam bảo (*Chuyện kỳ lạ về pho tượng đất Hộ pháp phát sáng*).

3.3. Sự dung hợp của các tôn giáo với tín ngưỡng văn hóa dân gian bản địa

Bên cạnh sự dung hòa Phật - Nho và sự hòa đồng Phật - Đạo đã trình bày ở trên, tam giáo còn thẩm thấu vào tín ngưỡng văn hóa dân gian bản địa qua hệ thống tập tục, lễ nghi, quan niệm tâm linh truyền đời của cộng đồng, vốn tồn tại trước và song song với các hệ tư tưởng ngoại lai. Đây được xem là phương diện dung hợp thứ ba, thể hiện tập trung qua hình tượng những bậc cao tăng vừa đắc đạo tu hành, vừa tham gia đời sống chính trị - tâm linh của cộng đồng, cho thấy tôn giáo ngoại lai khi bén rễ vào một nền văn hóa bản địa luôn phải thích ứng, dung hòa với tín ngưỡng và tâm thức dân gian sẵn có.

Trong *Lĩnh Nam chích quái*, các truyện về thiền sư như *Truyện Dương Không Lộ - Nguyễn Giác Hải*, *Truyện Từ Đạo Hạnh - Nguyễn Minh Không* đã phần nào phản ánh mô hình dung hợp tam giáo **Nho - Phật - Đạo trong tâm thức người Việt cổ trung đại**. Ở Việt Nam, vào buổi đầu kỷ nguyên độc lập, chùa chiền đóng vai trò là môi trường học thuật chủ yếu, cung cấp tầng lớp trí thức phục vụ quản lý, điều hành xã hội, tham gia kiến tạo các giá trị truyền thống và nhận được nhiều ưu ái từ tầng lớp cầm quyền. Khi Phật giáo được xem là nguyên tắc chỉ đạo tâm linh cho chính sự, nhiều thiền sư được mời làm cố vấn triều chính, tiêu biểu như **Khuông Việt, Pháp Thuận, Vạn Hạnh**... Ở *Truyện Từ Đạo Hạnh - Nguyễn Minh Không* khi Lý Thần Tông lâm bệnh, thiền sư **Minh Không** đã chữa bệnh cho vua và được phong làm Quốc sư. Thiền sư **Giác Hải** và **Thông Huyền**, sở hữu nhiều phép thần thông, cũng được vua Lý Nhân Tông yêu quý và trọng dụng. Vua từng làm bài kệ tán rằng:

Giác Hải tâm như hải

Thông Huyền đạo hựu huyền

Thần thông năng biến hóa

Nhất Phật nhất thần tiên.

Điều này cho thấy, thiền sư - người tu tập theo Phật đạo - không chỉ giúp vua điều hành triều chính mà còn có khả năng linh ứng thần thông. Bài kệ không chỉ là lời khen ngợi tài năng của hai vị thiền sư mà còn thể hiện quan điểm tam giáo của triều đình nhà Lý: Phật và Đạo đều là những con đường tu hành chân chính, có thể cùng tồn tại và bổ sung cho nhau trên tinh thần bình đẳng: "nhất Phật nhất thần tiên".

Bên cạnh các truyện tích thiền sư, mô hình dung hợp tôn giáo trong tâm thức người Việt còn được thể hiện sâu sắc qua *Truyện cổ Man Nương*. Cuộc kỳ ngộ giữa cao tăng Già La Đồ Lê và nàng Man Nương chính là điểm khởi đầu cho quá trình dung hợp giữa Phật giáo Ấn Độ với tín ngưỡng thờ Thần bản địa. Sự ra đời của hệ thống Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện) cùng năng lực cầu mưa cứu hạn không chỉ mang đậm màu sắc thần thông, biến hóa của Đạo gia mà còn trở thành điểm tựa tâm linh để các đấng quân vương (đại diện cho trật tự Nho gia) củng cố nền thái bình thịnh trị. Từ đó có thể khẳng định Nho - Phật - Đạo khi vào đất Việt đã sớm hòa quyện hữu cơ với tín ngưỡng dân gian tạo nên một hệ tâm linh đa nguyên nhưng hòa hợp, phục vụ đắc lực cho đời sống xã hội và sự hưng thịnh của quốc gia dân tộc.

Trong Nhật Bản linh dị ký, *Chuyện kỳ lạ về người trung thần ít ham muốn, biết đủ, được các thần cảm ứng kể* về **Chunagon**, một trung thần, đã thể hiện nguyên tắc nhân - quả và cảm ứng thần linh: ông từng can gián vua tránh làm hại mùa màng, lo lắng cho đời sống dân chúng và làm nhiều việc thiện nên được **Long thần** giúp đỡ: mưa chỉ rơi trên ruộng của ông, không rơi trên ruộng người khác. Một trung thần theo chuẩn mực đạo đức Nho giáo, làm nhiều việc thiện theo tinh thần Phật giáo đã cảm ứng được thần linh. Hay truyện về **En Ubasoku** là người học vấn uyên thâm, kính tin Tam bảo và tu luyện theo kinh Khổng tước, chứng được pháp thuật linh nghiệm: "Mỗi lần cầu nguyện, ông cưỡi mây ngũ sắc, bay lên không trung cùng tụ họp với các tiên nhân nơi tiên cung, vui chơi ở thế giới vĩnh hằng, nằm nghỉ trên khu vườn đầy hoa, hít thở linh khí do mình nuôi dưỡng", "ông còn có thể sai khiến được quỷ thần, tự do tự tại trong mọi việc" (*Chuyện về người tu hành theo phép thần chú của Khổng tước Minh vương có sức mạnh kỳ lạ, biến thành tiên bay lên trời*). Mối quan hệ mật thiết giữa Nho giáo, Phật giáo và Thần đạo này đã được Keikai khẳng định trong lời tựa *Quyển thượng* của *Nhật Bản linh dị ký*: "Ngay cả trong các đời Thiên hoàng, có bậc Thiên hoàng leo lên đỉnh núi cao, nhìn xuống cảnh nghèo khổ của dân mà động lòng thương xót, sống ở nơi cung các thấm dột nước mưa mà phủ dụ muôn dân. Cũng có hoàng tử sinh ra vốn thông minh, có tài dự đoán trước tương lai, một lúc nghe mười người tâu bày, không bỏ sót lời nào. Hai mươi lăm tuổi đã được Thiên hoàng mời giảng đọc Đại thừa kinh. Các kinh điển do ông chú thích còn để lại muôn đời cho hậu thế. Cũng có vị phát nguyện kính tạo tượng Phật nên được các vị thần trên trời thuận theo lời thỉnh cầu, các vị thần dưới đất mở cho xem kho báu".

Nho giáo và Phật giáo không chỉ dung hợp hài hòa với Thần đạo - tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của Nhật Bản mà còn tích hợp những giá trị đạo đức, tư tưởng lâu đời của nhân dân. Nhiều truyện trong *Nhật Bản linh dị ký* thể hiện tầm quan trọng của việc

báo đáp ơn nghĩa như: Chuyện chú bé có sức mạnh nhờ sự trả ơn của thần Sấm; *Chuyện chuộc rùa, làm việc phóng sinh được rùa trả ơn; Chuyện chuộc lại cua, ếch, làm việc phóng sinh được báo ơn…* Lời kết trong *Chuyện chiếc đầu lâu bị người và súc vật dẫm đạp được chuyển đi nơi khác linh ứng báo ơn một lần nữa nhắc nhở về nhân cách, đạo đức con người:* "Phàm vong linh của những người đã mất chỉ là đám xương trắng mà còn chẳng quên ơn nghĩa, huống hồ những người còn sống như chúng ta lẽ nào lại có thể quên ơn nghĩa được chăng" (*Chuyện chiếc đầu lâu bị người và súc vật dẫm đạp được chuyển đi nơi khác linh ứng báo ơn*).

Motif báo ơn cũng xuất hiện trong *Lĩnh Nam chích quái*, ở *Truyện Cổ giếng Việt*, sau khi Thôi Vĩ cởi áo đền dân làng, giúp tiên Ma Cô thoát khỏi tai họa đã được tiên Ma Cô trao cho bó ngải để "sau thấy ai có bướu chườm sẽ tan, tất được đại phú quý". Tấm lòng từ bi của Thôi Vĩ ngay lập tức được Ma Cô cảm ứng và được ban phước báu, điều này rất gần với quan niệm gieo nhân tốt sẽ gặt được quả lành của nhà Phật. Đạo đức "đền ơn đáp nghĩa" tốt đẹp còn hiện diện trong cả tư tưởng và hành động của thần linh. Nhiều thần linh sau khi được lập miếu thờ phụng cũng dốc lòng, dốc sức giúp vua đánh bại quân xâm lược, góp phần đem lại cuộc sống yên vui, thái bình cho muôn dân (*Truyện Thần minh chủ núi Đồng Cô, Truyện Đền thần minh ứng ở Cổ Sở*). Các vị vua thời Lý - Trần đều thể hiện niềm tin vào sự phò trợ của Phật pháp và các vị thần đối với cơ đồ của tổ tiên và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước. Việc lập đàn khấn nguyện thần linh không chỉ với mục đích giữ yên bờ cõi mà còn để đem đến cuộc sống tốt đẹp, ấm no cho muôn dân. Theo *Lĩnh Nam chích quái*, thời **Lý Anh Tông**, khi đất nước gặp đại hạn, vua sai thiền sư **Cảm Tịnh** cầu mưa và được cảm ứng, vua nằm mộng thấy hai bà đội mũ phù dung, mặc áo xanh, thắt lưng đỏ nói: "Bọn thiếp là chị em phu nhân Nhị Trưng, phụng mệnh của Thượng Đế ra làm mưa" (*Truyện Hai Bà Trưng Linh phu nhân)*. *Truyện ứng thiên hóa Dục Hậu Thổ thần* kể lại việc vua **Thánh Tông** đi chinh phạt Chiêm Thành, gặp mưa to gió lớn, được nữ nhân tinh của trời đất báo ứng giúp bình định giặc. Đến đời **Trần Anh Tông**, khắp nơi hạn hán, vua sai lập đàn cầu đảo, thần thác mộng chỉ dẫn cho vua: "Mộc thần có thần Câu mang, thần ấy có thể làm ra sấm sét mưa gió". Việc lập miếu thờ phụng thần linh phương thức thực hành lễ nghĩa, sự tu hành, khấn nguyện chân thành cũng có tác dụng tạo ra sự linh ứng giữa "thiên tâm" với "nhân tâm".

Vấn đề dung hợp tam giáo với tư tưởng đạo đức truyền thống của dân tộc trong Lĩnh Nam chích quái được thể hiện rõ nét trong Truyện Đổng Thiên Vương, Thánh Gióng được mô tả với motif thai giáng thần kỳ mang âm hưởng Đạo giáo: "phú ông đã tuổi sáu mươi sinh được một con trai đã lên ba tuổi chỉ biết ăn không biết nói, nằm ngửa mà không dậy được". Thế nhưng, chú bé lại có sức mạnh thần thông phi thường: "Chú bé

duỗi chân đứng dậy, hắt hơi mười tiếng, thân thể to lớn, cao hơn mười trượng... Nói rồi cưỡi lên ngựa sắt, ngựa chồm dậy, hý vang phi nhanh như bay, thoắt một cái đã tới trước quân của vua Ân". Đan xen những yếu tố Đạo giáo tạo tiền đề mở đầu và kết thúc câu chuyện, ta vẫn thấy được sự xuất hiện của Nho giáo qua tinh thần trung hiếu, sẵn sàng ra trận để bảo vệ Tổ quốc. Đây cũng chính là sự thể hiện chữ hiếu vẹn tròn trong tư tưởng Phật giáo: đáp đền ân quốc gia và ân chúng sinh. Hình tượng Thánh Gióng còn là sự kế thừa và tiếp nối truyền thống đánh giặc cứu nước của dân tộc. Việc Thánh Gióng trở thành thần hộ quốc sau khi bay về trời cho thấy sự khác biệt về bản chất: thần thánh Việt Nam không rời bỏ trần thế mà tiếp tục che chở, phù hộ dân tộc. Điều này thể hiện mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa con người và thần linh trong tín ngưỡng bản địa Việt Nam. Chính sự kết hợp hài hòa giữa Đạo giáo (xuất thân thần kỳ, có phép linh ứng, thần thông), nội dung đạo đức Nho - Phật (trung - hiếu - nghĩa, từ bi - đại nguyện) và tinh thần dân tộc (yêu nước, thương dân) đã tạo nên một mô hình văn hóa độc đáo, vừa mang tính phổ quát của tam giáo phương Đông, vừa đậm đà bản sắc Việt Nam.

Nhìn chung, văn học thuyết thoại trong *Lĩnh Nam chích quái* và *Nhật Bản linh dị ký* đều thể hiện xu hướng dung hợp linh hoạt giữa các hệ tư tưởng, tôn giáo. Vấn đề tam giáo không nguyên tắc, rập khuôn mà rộng mở, khai phóng kết hợp khéo léo với tín ngưỡng bản địa. Cả hai bộ truyện đều phục vụ mục đích giáo hóa, hướng con người đến những giá trị đạo đức tốt đẹp. *Nhật Bản linh dị ký* tập trung xây dựng một xã hội trật tự và mối quan hệ hài hòa giữa Phật giáo và Thần đạo cùng triết lý sống hòa hợp với tự nhiên của người Nhật. *Lĩnh Nam chích quái* nhấn mạnh hơn về tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm. Các vị thần hộ quốc không chỉ là biểu tượng tôn giáo mà còn nhắc nhớ về truyền thống giữ nước đầy tự hào của dân tộc. Sự dung hợp tam giáo trong *Nhật Bản linh dị ký* và *Lĩnh Nam chích quái* đều đã thể hiện khả năng thích ứng và sáng tạo của hai dân tộc, không bị đồng hóa bởi hệ tư tưởng ngoại lai mà biến chúng thành công cụ để khẳng định bản sắc riêng. Đây không chỉ là những tác phẩm văn học giá trị mà còn là bản ghi chép sinh động về quá trình hình thành bản sắc dân tộc trong dòng chảy văn hóa phương Đông.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu *Nhật Bản linh dị ký* và *Lĩnh Nam chích quái* dưới góc độ dung hợp tam giáo, có thể rút ra những kết luận sau:

Thứ nhất, cả hai tác phẩm đều phản ánh hiện tượng dung hợp tam giáo - sự hòa hợp, đồng tồn và bổ trợ lẫn nhau giữa ba hệ tư tưởng Nho - Phật - Đạo (hoặc Thần đạo) trong đời sống tinh thần và văn hóa xã hội thời trung đại. Dung hợp tam giáo không chỉ

là hiện tượng triết học hay tôn giáo, mà còn được thực hiện một cách sống động trong văn học thuyết thoại, qua đó hướng con người tới lối sống đạo đức, nhân văn và ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

Thứ hai, ở *Nhật Bản linh dị ký*, mô hình dung hợp tam giáo chủ yếu biểu hiện qua Thần - Phật nhất thể, trong đó Phật giáo chiếm vai trò nền tảng, còn Thần đạo đảm nhận chức năng nghi lễ và hỗ trợ tâm linh. Sự dung hợp này tạo ra một hệ thống lý giải thế giới vừa siêu hình vừa gần gũi, vừa định hướng đạo đức vừa củng cố quyền lực chính trị, phản ánh quá trình Phật giáo hòa nhập với văn hóa bản địa và Nho giáo trong đời sống triều đình cũng như dân gian.

Thứ ba, trong *Lĩnh Nam chích quái*, dung hợp tam giáo mang sắc thái Việt hóa rõ nét, với sự hòa đồng giữa Nho - Phật - Đạo và tín ngưỡng dân gian bản địa. Phật giáo định hướng tâm linh, Nho giáo duy trì chuẩn mực đạo đức xã hội, còn Đạo giáo gắn liền với truyền thống thờ cúng tổ tiên và các vị thần linh. Sự dung hợp này không hòa tan các thành tố, mà tạo ra một hệ thống giá trị linh hoạt, phục vụ cả đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng, đồng thời phản ánh tính chất nhập thế phục vụ xã hội trên tinh thần "tốt đạo đẹp đời" của văn hóa Việt Nam.

Thứ tư, việc so sánh hai tác phẩm cho thấy, mặc dù dung hợp tam giáo ở Nhật Bản và Việt Nam có những khác biệt về mô hình, vai trò và mức độ ảnh hưởng của từng tôn giáo, nhưng đều hướng tới cùng một mục tiêu: xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan và chuẩn mực đạo đức hài hòa, giúp con người nhận thức được mối quan hệ giữa nhân quả, đạo đức và trật tự xã hội, đồng thời dung hòa yếu tố ngoại lai với văn hóa bản địa.

Tóm lại, *Nhật Bản linh dị ký* và *Lĩnh Nam chích quái* không chỉ là những kho tàng văn học quý giá, mà còn là minh chứng sống động cho hiện tượng dung hợp tam giáo trong văn hóa Đông Á. Nghiên cứu này khẳng định vai trò của dung hợp tam giáo trong việc hình thành các giá trị văn hóa - tinh thần phong phú, đa dạng, đồng thời góp phần làm sáng tỏ cơ chế tiếp biến văn hóa giữa các quốc gia đồng văn, giữa tôn giáo và tín ngưỡng bản địa, mở ra hướng nghiên cứu liên ngành về văn học, văn hóa và tôn giáo khu vực Đông Á[*].

[*] Bài viết đã tham gia Hội thảo Khoa học Quốc tế về *Thuyết thoại Việt Nam trong dòng chảy thuyết thoại Đông Á thời Trung - Cận đại* được tổ chức vào ngày 29/11/2026 tại Trường Đại học Thăng Long.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đào Duy Anh (2022). *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nhà xuất bản Thế Giới & Nhã Nam.

Đoàn Lê Giang (2006). Thời trung đại trong văn học các nước khu vực văn hóa chữ Hán. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, tr.89-146.

Keikai. *Nhật Bản linh dị ký*. Nguyễn Thị Oanh dịch chú (1996). Hà Nội: NXB Văn học.

Nguyễn Thị Oanh (1996). Nhật Bản linh dị ký - tác phẩm mở đầu dòng văn học truyền kỳ xứ sở Mặt trời mọc. *Tạp chí Hán Nôm*.

Nguyễn Thị Oanh (1998). Bước đầu giới thiệu Nhật Bản linh dị ký với yếu tố dân gian của nó. *Tạp chí Văn học Dân gian*.

Nguyễn Thị Oanh (2024). *Lĩnh Nam chích quái: Khảo luận - Dịch chú - Nguyên bản chữ Hán*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Thích Thanh Kiểm (2021). *Lược sử Phật giáo Trung Quốc,* Nhà xuất bản Tôn giáo.

Thích Thiên Ân (2018). *Lịch sử tư tưởng Nhật Bản.* Nhà xuất bản Hồng Đức.

Vũ Thị Oanh (2007). Nhật Bản linh dị ký trong nghiên cứu so sánh với truyện cổ Việt Nam. *Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á*, tr.64–72.